

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lí do chọn đề tài

Trong nội dung chương trình sinh học ở bậc trung học cơ sở, đã trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản và tương đối hoàn chỉnh về cấu tạo và hoạt động của cơ thể sống thông qua các đại diện thực vật, động vật và con người, hiện tượng di truyền và biến dị, mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường... Riêng đối với chương trình sinh học 8, học sinh nghiên cứu về chính bản thân mình, khám phá những điều bí ẩn của cơ thể. *“Một con người có sức khỏe tốt sẽ đem lại nhiều lợi ích cho cuộc sống”*. *“Một tinh thần minh mẫn nằm trong một cơ thể tráng kiện”*.

Vậy nên, tôi chọn đối tượng nghiên cứu là học sinh khối lớp 8, thông qua giảng dạy bộ môn sinh học lớp 8 để giáo dục sức khỏe cho học sinh. Vì đây là lứa tuổi giao thời giữa thiếu niên và thanh niên, các em có nhiều chuyển biến về nhận thức và sự thay đổi về thể chất. Việc **giáo dục sức khỏe** cho học sinh thông qua chương trình sinh học 8 là một điều hết sức quan trọng và cần thiết đặc biệt là kỹ năng liên quan đến sức khỏe, trí tuệ tinh thần, tình cảm. Vì vậy, tôi lựa chọn đề tài ***“Lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh trong giảng dạy môn sinh học 8”***

II. Phạm vi, đối tượng của đề tài

1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh lớp 8 – là giai đoạn mà học sinh có nhiều thay đổi về thể chất và tâm sinh lý cơ thể.

2. Phạm vi nghiên cứu

Lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh trong giảng dạy môn sinh học 8.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp liên ngành: tâm lý học, giáo dục học.
- Phương pháp điều tra thực tế.
- Phương pháp phân tích, xử lý thông tin.

III. Mục đích nghiên cứu

- Trang bị cho học sinh kiến thức để phát triển toàn diện, có tri thức, có đạo đức, sức khỏe, thẩm mỹ, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất, năng lực và các kỹ năng sống cần thiết, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục hiện nay.
- Xây dựng mô hình để giáo dục giá trị sống và rèn luyện sức khỏe giúp cho học sinh có tinh thần và thái độ học tập tự giác, tích cực, sống có lý tưởng và hoài bão, ứng xử, hành động mang tính nhân văn. Nó còn giúp cho học sinh có ý thức bảo vệ và rèn luyện cơ thể, không vi phạm tệ nạn xã hội.

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Cơ sở lí luận

- Mục tiêu giáo dục: Là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có tri thức, có đạo đức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp.
- Mục tiêu dạy học bộ môn: Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lí luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Qua giảng dạy bộ môn Sinh học 8, rèn cho các em có những kĩ năng tự biết chăm sóc sức khỏe cho bản thân, kĩ năng liên quan đến trí tuệ, tình cảm, tinh thần... Từ đó giáo dục các em yêu thích bộ môn, có ý thức tự học và sáng tạo.
- Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay: tập trung giáo dục phải đào tạo ra những con người tự chủ, năng động, sáng tạo, có sức khỏe, có năng lực, độc lập tư duy; bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của người học. Công tác giáo dục chỉ đạt hiệu quả cao khi có sự đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

II. Cơ sở thực tiễn

- Môn sinh học cung cấp cho học sinh những phương pháp và cách thức tư duy giúp các em có những hiểu biết, nhận thức ngày càng mở rộng về môi trường sống phức tạp, hình thành kỹ năng hành động.
- Môn Sinh học cung cấp cho học sinh những hiểu biết về cơ thể sinh vật, đặc biệt là ở chương trình sinh học 8 cung cấp các kiến thức về giải phẫu sinh lí và vệ sinh cơ thể người, đem tới những kiến thức về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể người từ đó biết cách tự bảo vệ sức khỏe bản thân. Vì vậy môn sinh học là tiền đề, là cơ sở để giáo dục sức khỏe cho học sinh.

III. Lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh trong giảng dạy môn sinh học 8

- Sức khỏe tốt là nền tảng cơ bản của một cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc là cơ sở quan trọng để mỗi người thực hiện ý tưởng, ước mơ, nguyện vọng của cuộc đời mình. Có sức khỏe của mỗi con người giúp giải quyết những nhu cầu và thách thức trong cuộc sống một cách có hiệu quả.
- Năng lực tâm lý xã hội là khả năng ứng phó một cách có hiệu quả với những yêu cầu thách thức của cuộc sống. Đó cũng là yêu cầu của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt tinh thần, biểu hiện những hành vi phù hợp và tích cực

trong khi tương tác với người khác, với nền văn hóa xã hội và môi trường xung quanh. Năng lực tâm lý xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy sức khỏe theo nghĩa rộng nhất là về mặt thể chất, tinh thần và xã hội.

- Qua nhiều năm dạy môn sinh học nói chung và sinh học 8 nói riêng tôi nhận thấy rằng để giáo dục các em học sinh phát triển toàn diện cả về Đức - Trí - Thể - Mỹ thì chỉ có cách giáo dục sức khỏe thông qua bộ môn. Để làm được điều đó tôi thực hiện các bước sau:

1. Phân loại kiến thức giáo dục sức khỏe: Chia làm 3 nhóm như sau:

- Nhóm 1: Giáo dục sức khỏe liên quan đến phát triển thể chất.
- Nhóm 2: Giáo dục sức khỏe liên quan đến trí tuệ, thực hành.
- Nhóm 3: Giáo dục sức khỏe quan đến tình cảm, tinh thần.

2. Phân loại các loại bài dạy trong chương trình sinh học 8 có thể lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh.

- **Nhóm 1:** Giáo dục sức khỏe liên quan đến phát triển thể chất. Ví dụ:

Bài	Nội dung	Bài	Nội dung
2	Cấu tạo cơ thể người	40	Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu
15	Đông máu và nguyên tắc truyền máu	42	Vệ sinh da
18	Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn	54	Vệ sinh hệ thần kinh
22	Vệ sinh hô hấp	59	Sự điều hòa và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết
30	Vệ sinh tiêu hóa	64	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục
34	Vitamin, muối khoáng	65	Đại dịch AIDS - Thảm họa của loài người.

- **Nhóm 2:** Giáo dục sức khỏe liên quan đến trí tuệ, thực hành. Ví dụ:

Bài	Nội dung	Bài	Nội dung
6	Phản xạ	53	Hoạt động thần kinh cấp cao ở người
12	Thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương	58	Tuyến sinh dục
19	Thực hành: Sơ cứu cầm máu	62	Thụ tinh, thụ thai và phát triển của thai
23	Thực hành: Hô hấp nhân tạo	63	Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai.
52	Phản xạ không điều kiện và		

	phản xạ có điều kiện		
--	----------------------	--	--

- **Nhóm 3:** Giáo dục sức khỏe liên quan đến tình cảm, tinh thần: Tùy bài mà đưa vào cho phù hợp tránh gượng ép, miễn cưỡng. Ví dụ:

Bài	Nội dung	Bài	Nội dung
15	Đông máu và nguyên tắc truyền máu	61	Cơ quan sinh dục nữ
53	Hoạt động thần kinh cấp cao ở người	63	Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai
58	Tuyển sinh dục	64	Các bệnh lây truyền qua đường sinh dục
60	Cơ quan sinh dục nam	...	

IV. Vận dụng lồng ghép giáo dục sức khỏe vào giảng dạy bộ môn sinh học 8:

Để việc lồng ghép sức khỏe thông qua bộ môn sinh học 8 đạt hiệu quả cao, tránh gò bó, ôm đồm đi quá đà ảnh hưởng đến nội dung bài dạy thì đòi hỏi giáo viên cần phải chuẩn bị đầy đủ và đúng các quy trình của một tiết dạy. Khâu dẫn dò rất cần thiết nên giáo viên giành nhiều thời gian để nhắc nhở, dặn dò các em. Có dặn dò kĩ các em mới chuẩn bị bài tốt và như thế tiết học mới đạt hiệu quả cao. Và khâu chuẩn bị giáo án của giáo viên cũng được đổi mới. Giáo viên phải đưa ra các câu hỏi có phát huy tính tích cực phù hợp với mọi đối tượng, thực tế, gần gũi với các em thì giáo dục sức khỏe mới có kết quả cao.

Giáo dục sức khỏe cho học sinh được thực hiện xuyên suốt cả năm học nhưng để cô đọng tôi chỉ xin minh họa ở một số ví dụ cụ thể như sau:

1. Giáo dục sức khỏe liên quan đến phát triển thể chất:

* Giáo dục tư thế đứng thẳng

Ví dụ 1: Bài 7 “*Bộ xương*”: Sau khi học xong bài để củng cố khắc sâu kiến thức đồng thời giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ xương khớp:

- Tình huống: *Vì sao khi sai khớp phải chữa ngay không được để lâu?*

- Hướng giải quyết:

+ Cho học sinh giải thích.

+ Giáo viên chốt lại: Khi bị sai khớp làm cho dây chằng nối giữa các khớp bị dẫn ra để lâu dây chằng dẫn khả năng đàn hồi kém, sau này có chữa khỏi xương vẫn cử động khó khăn.

- Sau khi cho học sinh giải thích giáo viên cho học sinh nêu biện pháp chữa như thế nào thông qua kiến thức thực tế có học sinh biết và có những học sinh không biết học sinh có thể đưa ra nhiều cách khác nhau.

- Cuối cùng giáo viên chốt lại ý kiến của học sinh để tất cả học sinh đều biết và có biện pháp giải quyết trong thực tế. Ngoài ra còn lưu ý học sinh trong khi chơi đùa có ý thức giữ gìn, bảo vệ xương khớp tránh làm tổn thương xương khớp.

Vậy thông qua câu hỏi này vừa giáo dục được cho học sinh khi bị sai khớp phải điều trị ngay, không được chần chừ để lâu như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc đi lại giúp giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ xương khớp.

Ví dụ 2: Bài 11 “**Tiến hóa hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động**”

Trong phần **III-Vệ sinh hệ vận động** để lồng ghép giáo dục sức khỏe liên quan đến sự phát triển thể chất như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Yêu cầu HS quan sát H 11.5, trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi: <i>Để xương và cơ phát triển cân đối, chúng ta cần làm gì?</i> - Gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ (lồng ghép giáo dục sức khỏe phát triển thể chất): + <i>Thức ăn có liên quan như thế nào đến sự phát triển của xương?</i> + <i>Chế độ ăn uống phải như thế nào?</i> + <i>Vì sao nên tắm nắng vào buổi sáng?</i> + <i>Nên rèn luyện thể dục thể thao và lao động như thế nào?</i> - Nhận xét và chốt kiến thức.	- Cá nhân quan sát H11.5 SGK/tr39. - Cá nhân trả lời (dự kiến nêu được): + Giúp cung cấp đầy đủ các dưỡng chất cho xương phát triển. + Phải ăn đủ chất nhất là muối canxi và các vitamin A, D, C. + Giúp tổng hợp vitamin D để hấp thụ canxi. + Thường xuyên và vừa sức. - Tự rút ra kết luận	III.Vệ sinh hệ vận động: - Để cơ và xương phát triển cân đối cần: + Chế độ dinh dưỡng hợp lí. + Thường xuyên tiếp xúc

- Đi, ngồi không đúng tư thế gây ra hậu quả gì? - Để chống cong vẹo cột sống, trong lao động và học tập cần chú ý những điểm gì? - Gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ (lồng ghép giáo dục sức khỏe phát triển thể chất): + Cho học sinh nhận xét về tư thế ngồi trong hình 11-5/SGK-Tr39. + Em đã ngồi học đúng tư thế chưa? - Nhận xét và giúp HS tự rút ra kết luận.	- Gây cong, vẹo cột sống. - Liên hệ thực tế, thảo luận cá nhân trả lời: + 1 học sinh nhận xét, học sinh khác bổ sung. + Liên hệ tư thế ngồi của bản thân để trả lời. - Rút ra kết luận.	với ánh nắng. + Rèn luyện thân thể và lao động vừa sức. - Chống cong, vẹo cột sống cần chú ý: + Mang vác đều 2 tay + Tư thế làm việc, ngồi học ngay ngắn không nghiêng vẹo.
---	---	--

Sau khi học sinh trả lời các câu hỏi trên, giáo viên điều chỉnh đáp án đúng từ đó giáo dục cho học sinh một số kỹ năng: Ăn uống đủ chất, thường xuyên tiếp xúc với ánh nắng, luyện tập thể dục thể thao và lao động vừa sức, ngồi học đúng tư thế, mang vác đều hai tay đặc biệt học sinh lớp 8 đang là giai đoạn tuổi dậy thì nên cần có chế độ dinh dưỡng hợp lý bổ sung thức ăn giàu canxi để phát triển tối đa về thể chất.

*** Giáo dục kỹ năng về phòng tránh một số bệnh tật thông thường:**

Ví dụ 1: Bài 42 “*Vệ sinh da*” trong phần III – phòng chống các bệnh ngoài da lồng ghép như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung.
- Kể tên các bệnh ngoài da mà em biết?	- Một vài học sinh kể tên các bệnh ngoài da thường gặp.	III. Phòng chống bệnh ngoài da: - Các bệnh ngoài da: ghẻ lở, hắc bào, nấm, chốc, mụn nhọt, chấy rận,

Ví dụ 2: Bài 50 “*Vệ sinh mắt*” trong phần II - Bệnh về mắt lồng ghép như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Cho HS nghiên cứu thông tin SGK hoàn thành phiếu học tập.	- HS nghiên cứu thông tin, trao đổi nhóm và hoàn thành phiếu học tập.	II. Bệnh về mắt: - Bệnh đau mắt hột: Nội dung bảng

- Gọi đại diện 1 nhóm lên trình bày trên bảng phụ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Khẳng định đáp án đúng. - Ngoài bệnh đau mắt hột còn có những bệnh gì về mắt? - Nêu cách phòng tránh các bệnh về mắt?	- Đại diện 1 nhóm lên trình bày, các nhóm khác bổ sung về bệnh đau mắt hột. - Sửa chữa (nếu có) - Liên hệ thực tế kể thêm về 1 số bệnh của mắt. - Nêu các cách phòng tránh qua liên hệ thực tế.	- Ngoài ra còn có các bệnh: đau mắt đỏ, viêm kết mạc, khô mắt... - Phòng tránh các bệnh về mắt: + Giữ sạch sẽ mắt. + Rửa mắt bằng nước muối loãng. + Ăn đủ vitamin A. + Ra đường nên đeo kính.
--	--	---

Phiếu học tập: Tìm hiểu bệnh đau mắt hột

1. Nguyên nhân	
2. Triệu chứng	
3. Đường lây	
4. Hậu quả	
5. Cách phòng tránh	

Sau khi học xong bài giáo viên cho học sinh giải thích:

- ***Tại sao không nên đọc sách ở nơi thiếu ánh sáng hay trên tàu xe bị xóc nhiều?***
(Đọc sách nơi thiếu ánh sáng: mắt phải nhìn gần để đọc cho rõ → thể thủy tinh điều tiết bằng cách phồng lên lâu dần không còn khả năng xẹp xuống → tật cận thị. Đọc sách trên tàu xe bị xóc nhiều: khoảng cách giữa mắt và sách lúc gần, lúc xa thay đổi liên tục → thể thủy tinh điều tiết để nhìn rõ phải phồng, xẹp liên tục → tật loạn thị).
- Nguyên nhân chủ yếu hiện nay dẫn đến cận thị là gì? Nêu biện pháp để tránh bị tật cận thị? (Học sinh dựa vào kiến thức thực tế nêu được nguyên nhân chủ yếu hiện nay dẫn đến cận thị và nêu được biện pháp phòng tránh tật cận thị).

Qua các câu hỏi trên nhằm giáo dục cho học sinh tư thế ngồi học đúng tư thế, đảm bảo khoảng cách giữa mắt và sách, vở, khi xem ti vi không ngồi quá gần; không đam mê trò chơi điện tử, đọc sách nơi có ánh sáng...

*** Kỹ năng về sức khỏe sinh sản:**

Ví dụ 1: Bài 58 “***Tuyển sinh dục***” các em sẽ có cơ hội kiểm chứng sự biến đổi kỳ diệu trong cơ thể mình. Tuy nhiên trên thực tế đa phần các em lại ngại ngần

xấu hổ khi nghe thầy cô giảng về điều đó. Vì thế để các em có thể thổ lộ những dấu hiệu dậy thì của cơ thể mình và biết được dấu hiệu đặc trưng nhất của cả hai giới, tôi đã sử dụng phiếu học tập sau để phát cho các em hoàn thành theo cá nhân:

Phiếu học tập số 1

Tuổi:

Nam: Nữ:.....

Hãy đánh dấu (x) vào những thay đổi liệt kê dưới đây mà em thấy xuất hiện trên cơ thể mình và gạch dưới những câu mà em biết đó là những thay đổi đặc trưng nhất ở cả hai giới.

Những dấu hiệu xuất hiện ở tuổi dậy thì của nữ (10 - 11 tuổi)	Trả lời	Những dấu hiệu xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam (11 - 12 tuổi)	Trả lời
Lớn nhanh		Lớn nhanh, cao vượt	
Da trở nên mịn màng		Sụn giáp phát triển, lộ hầu	
Thay đổi giọng nói		Vỡ tiếng, giọng ồm	
Vú phát triển		Mọc lông nách	
Mọc lông nách		Mọc ria mép	
Mọc lông mu		Mọc lông mu	
Hông nở rộng		Cơ bắp phát triển	
Mông đùi phát triển		Cơ quan sinh dục to ra	
Tuyến mồ hôi, tuyến nhờn phát triển		Tuyến mồ hôi, tuyến nhờn phát triển	
Xuất hiện mụn trứng cá		Xuất hiện mụn trứng cá	
Bắt đầu hành kinh		Xuất tinh lần đầu	
Bộ phận sinh dục phát triển		Vai rộng, ngực nở	

- Giáo viên thu lại phiếu bài tập của cả nam và nữ để có thể phát hiện sự phát triển không bình thường để có những biện pháp giải quyết và lời khuyên thích hợp cho các em.

- Giáo viên cần lưu ý cho học sinh: trong các dấu hiệu biến đổi của cơ thể ở tuổi dậy thì, thì dấu hiệu quan trọng nhất là xuất tinh lần đầu ở các em nam và sự xuất hiện kinh nguyệt (hành kinh) lần đầu ở nữ. Đây là dấu hiệu có khả năng sinh sản, song ở tuổi các em chưa thể sinh sản được. Vì sao? ***Giáo viên giải thích rõ cho các em vì sao ở tuổi các em chưa sinh sản được. Đồng thời qua đó giáo dục các em cần có lối sống trong sáng, lành mạnh, trong quan hệ bạn bè, trong phim ảnh, vui chơi....***

- Giáo viên: Giải thích một số thắc mắc của học sinh cũng như một số hiện tượng thực tế: Pêđê là do rối loạn hoạt động nội tiết (các tế bào kẽ không tiết hoocmon Testostêrôn hoặc tiết quá ít đối với các em nam, hoặc nang trứng không tiết ra

hoocmôn Ôstrôgen hoặc quá ít với các em nữ), các đặc tính sinh dục phụ có thể thay đổi do hoocmon phụ sinh dục song cơ quan sinh dục là yếu tố quyết định giới tính không thể thay đổi.

Như vậy trong quá trình dạy GV có thể lồng ghép một số câu hỏi:

- Nêu những dấu hiệu xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam, nữ ?
- Trong những biến đổi đó, biến đổi nào là quan trọng cần lưu ý?

Ví dụ 2: Bài 63 “*Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai*” trong phần II - Những nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên có thể lồng ghép giáo dục như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Thông báo cho học sinh biết: Tuổi vị thành niên là gì? Theo tổ chức y tế thế giới (WHO). - Cho học sinh theo dõi video: Nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên. - Sau đó yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin SGK cùng kiến thức vừa xem trả lời câu hỏi: <i>Nêu những nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên là gì?</i> - Nhắc nhở HS: cần phải nhận thức về vấn đề này ở cả nam và nữ, phải giữ gìn bản thân, đó là tiền đề cho cuộc sống sau này. - <i>Cần phải làm gì để tránh mang thai ngoài ý muốn hoặc tránh nạo thai ở tuổi vị thành niên?</i> - Cho học sinh xem video:	- Biết được tuổi vị thành niên là nhóm người trong lứa tuổi 10-19 tuổi. - Chú ý theo dõi đoạn video - Nghiên cứu thông tin, thảo luận nhóm, nêu được những nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên. - Liên hệ thực tế trả lời	II. Những nguy cơ có thai ở tuổi vị thành niên: - Mang thai ở tuổi này có nguy cơ tử vong cao - Dễ xảy thai, đẻ non. - Con nếu đẻ thường nhẹ cân khó nuôi, dễ tử vong. - Nếu phải nạo dễ dẫn tới vô sinh vì dính tử cung, tắc vòi trứng, chửa ngoài dạ con. - Có nguy cơ phải bỏ học, ảnh hưởng tới tiền đồ, sự nghiệp, gia đình.

Tư vấn giáo dục giới tính ở tuổi vị thành niên.		
---	--	--

Từ các video, phóng sự mà các em học sinh được xem giúp giáo dục các em ý thức được những nguy cơ khi có thai ở tuổi vị thành niên và những biện pháp tránh mang thai ngoài ý muốn hoặc tránh nạo phá thai ở tuổi vị thành niên. Khi còn là học sinh cần sống hồn nhiên vô tư tập trung vào học tập để có kết quả cao không nên bông bột, đua đòi tránh để lại những hậu quả đáng tiếc xảy ra.

*** Tác hại của rượu, thuốc lá, ma túy:**

Ví dụ 1: Bài 22 “**Vệ sinh hô hấp**” có thể lồng ghép như sau:

Sau khi học xong bài để củng cố kiến thức giáo viên cho học sinh trả lời các câu hỏi sau:

- **Hút thuốc lá có hại như thế nào cho hệ hô hấp?** (Trong khói thuốc lá có nicotin làm tê liệt các lông rung trong phế quản, làm giảm hiệu quả lọc sạch không khí → có thể gây ung thư phổi).

Và để lớp học sinh động hơn giáo viên trả lời đồ vui: ***Hút thuốc lá có 3 cái lợi: không sợ ăn trộm, không sợ chó cắn, không sợ chết già. Em nào giải thích được?***

Sau khi học sinh trả lời giáo viên bổ sung:

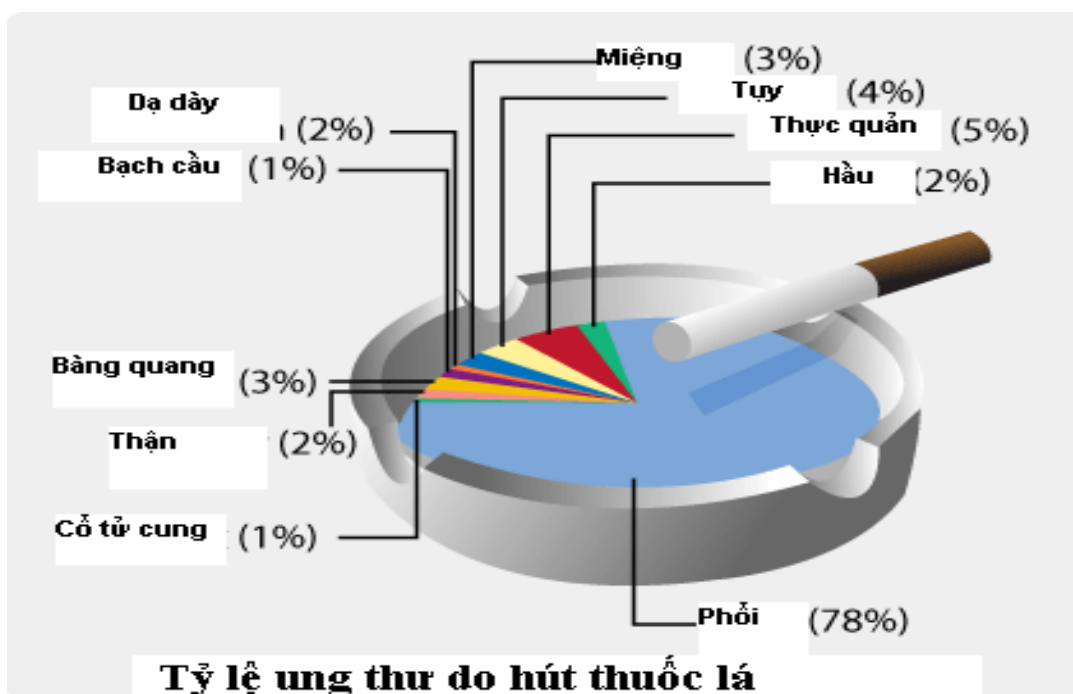
Hút thuốc lá nhiều bị viêm phổi → ho nên ban đêm ăn trộm nghe ho tưởng còn thức nên không vào nhà lấy trộm. Viêm phổi → Lao phổi → ung thư phổi người già yếu nên đi phải chống gậy, gậy chó xông vào lấy gậy tự vệ nên không sợ chó cắn. Và tất nhiên ung thư phổi thì sẽ chết trẻ đâu còn để già mới chết.

Qua câu đố vui đó giáo viên giáo dục học sinh thấy được tác hại của việc hút thuốc lá. Từ đó, em sẽ không hút thuốc lá và vận động, tuyên truyền người thân, bạn bè không hút thuốc lá.

Để tăng hiệu quả của việc giáo dục, giáo viên cho học sinh quan sát hình giáo viên sưu tầm để học sinh hiểu sâu hơn về tác hại của việc hút thuốc lá:



Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe



- ***Tại sao nên tập thể dục hít, thở sâu vào buổi sáng?*** (Tập thể dục hít thở sâu vào buổi sáng vì: vào buổi sáng không khí trong lành hơn ban ngày do ít hoạt động của giao thông vận tải, buổi sáng ta vừa ngủ dậy sau một thời gian dài ngủ lượng khí lưu thông bình thường nên lượng khí cặn trong phổi lớn → hít, thở sâu giúp đẩy được lượng lớn khí cặn ra khỏi phổi đồng thời còn làm tăng dung tích sống và nếu luyện tập thường xuyên thì sẽ có được dung tích sống lý tưởng).

Qua câu hỏi này cũng giáo dục cho học sinh ý thức rèn luyện thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe, tăng cường khả năng hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

Ví dụ 2: Bài 46 “***Trụ não, tiểu não, não trung gian***” sau khi tìm hiểu xong chức năng của tiểu não để khắc sâu kiến thức giáo viên cho học sinh trả lời các câu hỏi sau:

Giải thích vì sao người say rượu thường có biểu hiện đi siêu vẹo, chân nam đá chân chiêu? (Do rượu là một chất kích thích nếu uống nhiều sẽ ức chế hoạt động của hệ thần kinh và đối với người bị say rượu thì tiểu não bị ức chế không còn khả năng điều khiển các hoạt động phức tạp và giữ thăng bằng cho cơ thể nữa nên thường đi siêu vẹo, chân nam đá chân chiêu. Ngoài ra khi say rượu người đó còn không làm chủ được bản thân như nói nhiều, đi xe không làm chủ được tốc độ gây tai nạn giao thông ...)

Từ đó, giáo dục học sinh ý thức được tác hại của rượu

, bia đối với đời sống con người và rút ra bài học cho bản thân đồng thời tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè không đàn đúm rượu, bia.

*** Kỹ năng phòng ngừa tai nạn cho trẻ:**

Ví dụ: Bài 23 “*Thực hành: Hô hấp nhân tạo*”

- Trước khi hô hấp cho người bị chết đuối, điện giật, ta cần phải làm gì?
- Trình bày phương pháp hà hơi thổi ngạt, phương pháp ép lồng ngực?

Qua đó, giáo dục cho học sinh kỹ năng gặp người chết đuối phải xóc nước rồi mới hô hấp. Trường hợp điện giật phải cắt cầu giao điện. Qua từng phương pháp hô hấp học sinh nắm được các kỹ năng hô hấp nhân tạo.

Để tăng tính giáo dục giáo viên cho học sinh quan sát một số hình ảnh về tai nạn chết đuối có thể xảy ra khi các em tắm sông và tham gia giao thông đường thủy không đúng qui định:



Các em tắm sông và tham gia giao thông đường thủy không đúng qui định.

*** Kỹ năng liên quan đến môi trường sống**

Ví dụ 1: Bài 22 “*Vệ sinh hô hấp*” trong phần I - *Cần bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại* tiến hành như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung.
- Vì sao phải giữ vệ sinh hệ hô hấp? - Gọi đại diện học sinh trình bày một số bệnh về đường hô hấp đã chuẩn bị ở nhà. - Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin bảng 22-SGK/tr72.	- Quan sát hình và thảo luận nhóm 2 đưa ra câu trả lời, nhóm khác nhận xét bổ sung. - Nghiên cứu thông tin ở bảng 22, ghi nhớ kiến thức. - Quan sát hình và thảo	I. Cần bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại - Ý nghĩa: Giữ vệ sinh hệ hô hấp để trao đổi khí được thực hiện tốt và tránh được các bệnh về đường hô hấp. - Các tác nhân gây hại cho

- Có những tác nhân nào gây hại tới hoạt động hô hấp? - Đưa ra hình ảnh về các tác nhân gây hại cho hệ hô hấp. + Các khí SO_2, NO_2, CO, CO_2 được sinh ra từ đâu? Chúng có đặc tính gì? Lồng ghép KNS: Để giải thích sự tạo ra của các khí SO_2, NO_2, CO, CO_2 từ các hoạt động của con người như: đốt gạch, nấu bếp than; động cơ xe thải ra...tạo ra khí CO là do quá trình đốt cháy không hoàn toàn của các chất đốt. Các khí này đều có tính độc gây hại cho hệ hô hấp + Các tác nhân trên gây ra những tổn thương nào cho hệ hô hấp? Lồng ghép KNS: nhằm giáo dục các em lối sống lành mạnh, có ý thức chăm sóc bản thân và mọi người xung quanh và ý thức bảo vệ môi trường. - Hãy đề ra các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại? - Phát phiếu học tập cho học sinh, yêu cầu thảo	luận nhóm 2 đưa ra câu trả lời, nhóm khác nhận xét bổ sung. - Vận dụng kiến thức hóa học trả lời và rút ra kết luận. - Vận dụng thực tế trả lời. - Từ các tác nhân gây hại nêu các biện pháp tránh các tác nhân đó. - Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập, đại	đường hô hấp là: bụi, khí độc (NO_2; SO_2; CO_2; nicôtin...) và vi sinh vật - Tác hại: Gây ung thư phổi, viêm họng, viêm phổi, lao phổi...có thể gây tử vong. - Các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh tác nhân có hại . (HS học nội dung bảng phụ và nội dung SGK)
---	---	--

luận nhóm 4 hoàn thành. - Nhận xét, chốt kiến thức. - <i>Chặt cây xanh và phá rừng có ảnh hưởng gì đến hô hấp không? Giải thích?</i> - <i>Là học sinh em cần làm gì để bảo vệ cây xanh và rừng?(cho học sinh quan sát hình trồng cây để giáo dục ý thức trồng và bảo vệ cây xanh)</i>	diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét bổ sung. - Các nhóm sửa chữa (nếu có) - Liên hệ thực tế để trả lời.	
--	---	--

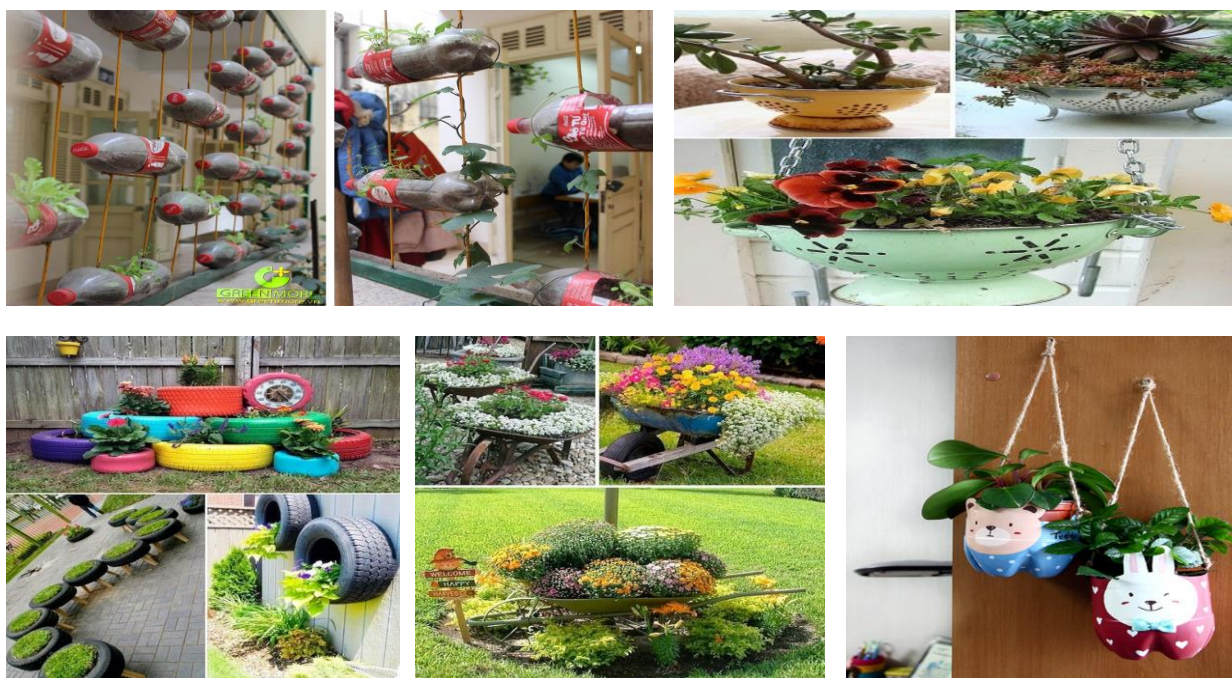
Phiếu học tập: Các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại

STT	Biện pháp	Cơ sở khoa học
1	- Trồng nhiều cây xanh 2 bên đường phố, nơi công cộng, trường học, bệnh viện và nơi ở. - Nên đeo khẩu trang khi dọn vệ sinh và ở những nơi có hại.	
2	- Đảm bảo nơi làm việc và nơi ở có đủ nắng, gió tránh ẩm thấp. - Thường xuyên dọn vệ sinh. - Không khạc nhổ bừa bãi.	
3	- Hạn chế sử dụng các thiết bị có thải ra các khí độc. - Không hút thuốc lá và vận động mọi người không nên hút thuốc.	

Cuối cùng giáo viên cho học sinh quan sát một số hình ảnh về hoạt động trồng cây, sử dụng các phế thải trong sinh hoạt để trồng cây, trồng hoa. Qua đó giáo dục ý thức bảo vệ hệ hô hấp chính là bảo vệ môi trường từ cây xanh và ý thức tiết kiệm là tái sử dụng các vật liệu phế thải; đồng thời hạn chế thải rác ra môi trường gây ô nhiễm môi trường.



Hoạt động trồng cây xanh bảo vệ môi trường



Sử dụng các phế thải trong sinh hoạt để trồng cây xanh bảo vệ môi trường

2. Giáo dục sức khỏe liên quan đến trí tuệ, thực hành

*** Kỹ năng xây dựng nhân cách:**

Ví dụ 1: Bài 54 “*Vệ sinh hệ thần kinh*” trong phần III – *Tránh lạm dụng các chất kích thích và ức chế đối với hệ thần kinh* ta tiến hành như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
- Cho HS quan sát tranh hậu quả của nghiện ma túy, nghiện rượu, thuốc lá... - Yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bài tập bảng 54 SGK/tr172.	- Quan sát và liên hệ thực tế. - Thảo luận nhóm. thống nhất ý kiến và hoàn thành bảng 54.	

- Yêu cầu HS lên bảng chữa bài tập. - GV nhận xét, đưa ra kết quả nếu cần.	- Đại diện nhóm lên bảng trình bày.	
---	-------------------------------------	--

Bảng 54: Các chất có hại cho hệ thần kinh

Loại chất	Tên chất	Tác hại
Chất kích thích	- Rượu - Nước chè đặc, cà phê	- Hoạt động não bị rối loạn, trí nhớ kém. - Kích thích hệ thần kinh, gây mất ngủ.
Chất gây nghiện	- Thuốc lá - Ma túy	- Cơ thể suy yếu, dễ mắc bệnh ung thư. - Suy yếu nòi giống, cạn kiệt kinh tế, lây nhiễm HIV, mất nhân cách...

Thông qua đó, giáo viên giáo dục cho học sinh sống có nhân cách: Sống lành mạnh, không bê tha, nói tục, chửi bậy, trộm cắp, đánh nhau...

*** Kỹ năng xây dựng thói quen đúng giờ**

Ví dụ: Bài 52 “Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện

Sau khi học xong bài để củng cố kiến thức giáo viên cho học sinh trả lời một số câu hỏi sau:

- Nêu sự thành lập và ức chế phản xạ có điều kiện?
- Điều đó có ý nghĩa gì?

Sau khi học sinh trả lời và cho ví dụ giáo viên điều chỉnh bổ sung từ đó hình thành cho các em thói quen:

- + **Đi ngủ đúng giờ, dậy đúng giờ.**
- + **Đi học đúng giờ.**
- + **Có thời gian biểu học tập.**
- + **Ăn đúng giờ, điều độ.**
- + **Bỏ các thói quen xấu, hình thành các thói quen tốt.**
- + **Học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp**

*** Kỹ năng giao tiếp, ứng xử**

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử là cách giao tiếp trong môi trường học đường, với bạn bè, thầy cô, bố mẹ và người lớn tuổi.
- Hầu hết, chúng ta đều có chung nhận định: học sinh thời nay năng động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình và thường có mức yêu cầu cao đối với bản thân.
- Nhưng bên cạnh đó ta thấy rằng kỹ năng này của một số học sinh còn hạn chế rất nhiều. Nhiều em đứng lên phát biểu xây dựng bài nhưng không lặp lại câu hỏi, nội dung diễn đạt không đúng trọng tâm câu trả lời, không thu hút người nghe. Kỹ năng

này tôi luôn rèn luyện các em trong suốt quá trình dạy học trong bộ môn sinh học 8 nói riêng và tất cả các khối lớp nói chung.

- Trong từng tiết dạy tôi luôn đề ý cách trả lời hay những lúc nói chuyện của học sinh trong giờ học, ra chơi mà uốn nắn kịp thời. Giáo viên luôn đề ý đến cách ăn mặc, tác phong, cử chỉ của từng em mà giáo dục. Bởi lẽ giáo viên không chỉ dạy chữ mà còn dạy người.

*** Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào việc giải thích các hiện tượng trong thực tế đời sống, học tập và sản xuất:**

Ví dụ 1: Bài 33 “*Thân nhiệt*” trong phần III - *Phương pháp phòng chống nóng, lạnh* tiến hành như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: + <i>Chế độ ăn uống mùa hè và mùa đông khác nhau như thế nào?</i> + <i>Mùa hè cần làm gì để chống nóng?</i> + <i>Vì sao nói rèn luyện thân thể cũng là biện pháp phòng chống nóng lạnh?</i> + <i>Việc xây dựng nhà, công sở cần lưu ý yếu tố nào để chống nóng, lạnh?</i> GV liên hệ và giải thích.	- HS liên hệ thực tế thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi. - 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.	- Chế độ ăn uống phù hợp với từng mùa. - Mùa hè: đội mũ nón khi ra đường. Lao động, mồ hôi ra không nên tắm ngay, không ngồi nơi gió lộng, không bật quạt mạnh quá. - Mùa đông: giữ ấm cổ, tay chân, ngực. - Rèn luyện TDTT hợp lý để tăng sức chịu đựng cho cơ thể. - Trồng nhiều cây xanh quanh nhà và nơi công cộng.

Qua các câu hỏi xây dựng kiến thức trên nhằm rèn cho học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong ăn uống, sinh hoạt hàng ngày làm sao để đảm bảo sức khỏe cơ thể từ đó cũng giáo dục học sinh ý thức vệ sinh trong ăn uống và giữ gìn vệ sinh môi trường, trồng nhiều cây xanh.

Ví dụ 2: Bài 40 “*Vệ sinh hệ bài tiết nước tiểu*” trong phần II - *Cần xây dựng các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh các tác nhân có hại* tiến hành như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung.
- Phát phiếu học tập: Bảng 40 yêu cầu HS thảo	- Thu nhận thông tin, thảo luận nhóm và hoàn	(HS học nội dung bảng 40)

luyện, hoàn thành thông tin vào bảng. - Tập hợp ý kiến HS, chốt lại kiến thức.	thành bảng 40. - Đại diện nhóm lên bảng điền, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	
---	---	--

Qua đó giúp học sinh xây dựng được các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết tránh các tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu và giải thích được hiện tượng thực tế: khi trời lạnh đi tiểu nhiều hay khi trời nóng toát mồ hôi nhiều đi tiểu ít đồng thời giáo dục các em đi tiểu đúng lúc để tránh sỏi thận

*** Kỹ năng thực hành thông qua bộ môn:**

Môn sinh học là môn học thực nghiệm, trực quan. Trong các tiết thực hành giáo viên phải dạy chính xác, khoa học, không cắt xén chương trình để thông qua bộ môn này rèn cho học sinh kỹ năng thực hành, quan sát.

Ví dụ: Bài 12 *“Thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương”* tiến hành như sau:

Sau khi cho học sinh tìm hiểu về những nguyên nhân gãy xương và cách sơ cứu, băng bó cho người gãy xương giáo viên cho học sinh thực hành băng bó theo nhóm 6 học sinh: băng bó giả định cho học sinh bị gãy xương cẳng tay trong lớp và trình bày cách tiến hành cụ thể. Ngoài ra giáo viên còn đưa ra một số tình huống thực tế để học sinh giải quyết như thế nào?

- Khi gặp người tai nạn ở nơi vắng người không có hiệu thuốc ở gần để mua băng gạc làm như thế nào để băng bó cho người gãy xương?

- Khi gặp người tai nạn ở đó không có nẹp gỗ, tre làm như thế nào?

Học sinh trả lời hướng giải quyết, giáo viên nhận xét, bổ sung để học sinh khắc sâu kiến thức.

Qua đó học sinh biết cách xử lý tình huống khi gặp người tai nạn gãy xương; biết cách thực hành sơ cứu và băng bó cho người bị gãy xương.

3. Giáo dục sức khỏe liên quan đến tình cảm, tinh thần:

Trong cuộc sống ai cũng muốn mình khỏe mạnh, hạnh phúc nhưng không ai cũng có được điều đó. Bệnh tật, tai nạn luôn rình rập hoặc do thiếu hiểu biết hay một chút nông nổi đó mắc phải căn bệnh quái ác. Thông qua chương trình sinh học 8 giáo dục các em biết cách bảo vệ mình và quan tâm, giúp đỡ mọi người chẳng may rơi vào các hoàn cảnh ốm đau, bệnh tật hay làm lỡ. Giáo dục các em không phân biệt đối xử, xa lánh những nạn nhân HIV, AIDS. Hãy gần gũi, thông cảm chia sẻ để nạn nhân này sống có ích trong những ngày còn lại của đời mình.

Ví dụ: Bài *“Đại dịch AIDS thảm họa của loài người”*

Cho học sinh xem tiểu phẩm **“Phân biệt kì thị người nhiễm HIV”** sau khi xem xong giáo viên hỏi: *Ta có nên kỳ thị phân biệt đối xử với những người bị nhiễm HIV/AIDS hay không? Vì sao?*

Sau khi học sinh trả lời, giáo viên điều chỉnh bổ sung và đề tăng giáo dục, giáo viên cho học sinh đọc **“Lời tâm sự của nạn nhân AIDS”**.

Qua đó giáo dục các em:

+ **Thông cảm với người bị HIV/AIDS**

+ **Không phân biệt đối xử với họ.**

+ **Biết chia sẻ với nạn nhân AIDS.**

V. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhờ **giáo dục sức khỏe** thông qua bộ môn sinh học 8 mà học sinh hiểu, biết những kỹ năng, biện pháp rèn luyện và nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe cơ bản cho bản thân và con người. Trong từng tiết dạy nhờ giáo dục, uốn nắn, động viên, nhắc nhở mà các em tiến bộ rõ rệt về kỹ năng giao tiếp, cách xưng hô với bạn bè có cái thiện, thân mật hơn, mối quan hệ giữa thầy cô, bạn bè gần gũi hơn, thân thiết hơn.

Kỹ năng giao tiếp của các em cũng tiến bộ các em không còn trả lời nội dung mà không lặp lại câu hỏi. Nội dung câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, đầy đủ ý nghĩa, kết cấu câu. Không còn nói những câu cụt, câu què, câu không rõ nội dung. Các em đó biết cách sơ cấp cứu khi gặp tai nạn như sơ cứu cầm máu, sơ cứu xương gãy tay bị gãy, hô hấp nhân tạo khi gặp nạn nhân chết đuối, điện giật. Đặc biệt các em biết cách phòng tránh một số bệnh tật thông thường như: bệnh cong vẹo cột sống, bệnh đau mắt hột, cận thị. Biết cách phòng, chống các bệnh như: sỏi thận, viêm đường hô hấp, tim mạch.

Hơn nữa, các em đó biết giải thích những hiện tượng xảy ra chính trên cơ thể mình như mặt đỏ bừng khi trời nắng, da tái, nổi gai ốc khi trời lạnh, mùa mưa, lạnh hay đi tiểu nhiều.... Các em đó biết giữ vệ sinh thân thể, vệ sinh trường lớp, nhà cửa. Các em biết được tác hại của rượu, thuốc lá, ma túy để khỏi lâm vào các tệ nạn xã hội. Các em đó biết đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau khi gặp ốm đau như chép bài giúp bạn, thành lập các đôi bạn cùng tiến trong học tập. Biết giúp đỡ, chia sẻ với những người bị nạn, tật nguyền như ủng hộ các bạn bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, ủng hộ vì người nghèo.... Không kì thị, xa lánh những người chẳng may bị bệnh HIV/AIDS. Các em biết được những dấu hiệu thay đổi trên cơ thể ở độ tuổi dậy thì giúp các em không phải hốt hoảng lo sợ khi thấy mình có dấu hiệu thay đổi bất thường. Từ đó, các em biết cách rèn luyện thân thể, các em nữ biết cách giữ vệ sinh kinh nguyệt, phòng tránh các bệnh phụ khoa. Giúp các em nhận thức rõ về giới, từ đó tránh được các điều đáng tiếc xảy ra ở tuổi vị thành niên.

Bảng kết quả: Điều tra ngẫu nhiên 100 học sinh trong trường khi được hỏi về việc có thích học những tiết lồng ghép giáo dục sức khỏe trong tiết sinh học 8 không?

Loại câu trả lời	Có thích	Không thích
Số lượng	100	0
Tỉ lệ	100%	0%

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận

Trên đây là một vài kinh nghiệm nhỏ của bản thân đã rút ra được trong quá trình dạy môn sinh học 8. Đối với việc giáo dục sức khỏe cho học sinh chúng ta phải tiến hành thường xuyên, kết hợp với theo dõi, kiểm tra, động viên, nhắc nhở. Do trình độ của học sinh không đồng đều, ý thức của mỗi em cũng khác nhau nên không thể một sớm một chiều các em thay đổi được. Do vậy, trong từng tiết dạy tùy nội dung bài mà giáo viên lồng ghép giáo dục sức khỏe sao cho phù hợp, tránh tình trạng ôm đồm lo xoáy vào giáo dục sức khỏe cho học sinh mà quên đi truyền thụ nội dung chính của bài học. Do đặc trưng bộ môn nên việc thực hiện đề tài này mang tính khả thi và đồng nghiệp dạy môn sinh học 8 có thể áp dụng để lồng ghép vào các tiết học của mình để học sinh hiểu và biết cách nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe bản thân.

Khi mong muốn làm tròn trách nhiệm giáo dục đạo đức, giáo dục sức khỏe cho học sinh, chúng ta thấy tâm đắc và thấm thía với lời nhận xét của nhà giáo dục nổi tiếng người Nga - Makarenkô: *"Không có phương pháp, phương tiện nào là duy nhất, không có nhà sư phạm nào đơn thương độc mã mà có thể đào tạo, giáo dục thành công. Sản phẩm của giáo dục là con người, đó là kết quả của sự kết hợp, phối hợp với mọi điều kiện, mọi tác động của toàn bộ xã hội mà nhà sư phạm là người điều chỉnh, phối hợp tất cả những yếu tố đó"*.

II. Khuyến nghị

- Đối với giáo viên: Để lồng ghép giáo dục sức khỏe trong bộ môn sinh học 8 một cách có hiệu quả giáo viên giảng dạy bộ môn tìm biện pháp lồng ghép linh hoạt, nhẹ nhàng, hiệu quả nhằm giáo dục sức khỏe cho học sinh mà không ảnh hưởng đến nội dung kiến thức của bài học.

- Đối với nhà trường: Tăng cường công tác dự giờ, thao giảng, hội giảng, sinh hoạt chuyên đề cấp tổ, cấp trường dạy minh họa chuyên đề giáo dục sức khỏe cho học sinh thông qua bộ môn nói chung và bộ môn sinh học 8 nói riêng. Cần tổ chức nhiều chuyên đề liên quan đến giáo dục sức khỏe, giáo dục giới tính, giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh. Trong thư viện nhà trường cần bổ sung thêm tài liệu về giáo dục sức khỏe, giáo dục giới tính, giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh.

Trên đây là một số kinh nghiệm về ***“Lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh trong giảng dạy môn sinh học 8”***. Trong quá trình thực hiện khó tránh khỏi những thiếu sót, kính mong nhận được sự góp ý của Hội đồng thẩm định các cấp và Quý đồng nghiệp để đề tài của tôi được hoàn thiện và vận dụng có hiệu quả hơn trong quá trình giảng dạy.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. Lí do chọn đề tài	1
II. Phạm vi, đối tượng của đề tài	1
III. Mục đích nghiên cứu	1
PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	
I. Cơ sở lí luận	2
II. Cơ sở thực tiễn	2
III. Lồng ghép giáo dục sức khỏe cho học sinh trong giảng dạy môn sinh học 8	2
IV. Vận dụng lồng ghép sức khỏe vào giảng dạy bộ môn sinh học 8	4
V. Kết quả nghiên cứu	21
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	22

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Sinh học 8 - Nhà xuất bản giáo dục.
2. Sách thiết kế bài giảng Sinh học 8- Nhà xuất bản giáo dục.
3. Sách giáo viên Sinh học 8 - Nhà xuất bản giáo dục.
4. Giáo trình tâm lí học lứa tuổi - Nhà xuất bản giáo dục.
5. Một số hình ảnh liên quan trên mạng internet.